

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 6

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

Căn cứ Điều 25 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về hội được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với công dân, tổ chức Việt Nam có liên quan đến thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về hội.

2. Nghị định này không áp dụng với các tổ chức:

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

b) Các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hội là tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng lĩnh vực, ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được tổ chức và hoạt động theo Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

2. Không vì mục tiêu lợi nhuận: hội không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận, lợi nhuận có được trong quá trình hoạt động của hội thì không được phân chia cho hội viên mà chỉ để dùng cho các hoạt động theo điều lệ của hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

3. Vi phạm pháp luật nghiêm trọng được hiểu là vi phạm một trong các hành vi sau:

- a) Vi phạm vào những hành vi bị cấm quy định tại Điều 11 Nghị định này;
- b) 02 lần liên tiếp không chấp hành theo các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- c) Các vi phạm lặp lại liên tục từ 03 lần trở lên trong cùng một vi phạm về nghĩa vụ của hội quy định tại Nghị định này, trừ quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

Phạm vi hoạt động của hội (theo lãnh thổ) gồm:

- a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh;
- b) Hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh;
- c) Hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện;
- d) Hội hoạt động trong phạm vi cấp xã (đối với hội sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng được xác định tương đương hội hoạt động trong phạm vi cấp xã).

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội

- 1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ hội.
- 2. Tự nguyện, tự quản.
- 3. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
- 4. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
- 5. Không vì mục tiêu lợi nhuận.

Điều 6. Tên, biểu tượng, trụ sở, con dấu và tài khoản của hội

1. Hội có tên gọi: hội, hiệp hội, liên đoàn, liên minh, liên hiệp hội, tổng hội, câu lạc bộ và tên gọi khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là hội) và đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này.

2. Trụ sở của hội đặt tại Việt Nam trong phạm vi hoạt động của hội.

3. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chính sách của Nhà nước đối với hội

1. Ban hành cơ chế, chính sách để hội tham gia xã hội hóa các hoạt động cung cấp dịch vụ, tư vấn; thực hiện chương trình, dự án, đề tài và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế đã được giao thì được ngân sách nhà nước khoán kinh phí hoạt động theo số biên chế đã giao. Đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ mà không được giao biên chế thì được ngân sách nhà nước cấp kinh phí theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động.

3. Đối với các hội không thuộc trường hợp khoản 2 Điều này tự trang trải kinh phí hoạt động và được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí gắn với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

4. Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này giao nhiệm vụ cho hội thì thực hiện theo cơ chế đặt hàng, kinh phí lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, tổ chức đó.

Điều 8. Chính sách, chế độ đối với người làm việc tại hội

1. Chế độ tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với người làm việc tại hội:

a) Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền luân chuyển, điều động, phân công làm việc tại hội được áp dụng theo quy định của Đảng và của pháp luật về cán bộ, công chức;

b) Người làm việc tại hội trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao được áp dụng các quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

c) Người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc hội được áp dụng các quy định của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

d) Người làm việc tại hội trong độ tuổi lao động không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Người làm việc tại hội là người đang hưởng lương hưu và người không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d Khoản này thực hiện theo điều lệ hội và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chế độ tiền lương, phụ cấp công vụ và chế độ thù lao đối với người làm việc tại hội:

a) Chế độ tiền lương:

Đối tượng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện chế độ tiền lương theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và viên chức.

Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, hội thỏa thuận với người làm việc tại hội về chế độ tiền lương theo hợp đồng lao động, bảo đảm tương quan trong nội bộ hội, phù hợp với nguồn kinh phí của hội và quy định của pháp luật;

b) Chế độ phụ cấp công vụ:

Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được hưởng chế độ phụ cấp công vụ như quy định đối với cán bộ, công chức.

c) Chế độ thù lao:

Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được hưởng chế độ thù lao. Mức thù lao cụ thể đối với từng trường hợp (bao gồm cả người đang hưởng lương hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách hội theo điều lệ hội) do hội tự quyết định bảo đảm tương quan hợp lý trong nội bộ hội, phù hợp với nguồn kinh phí tự chủ của hội.

Trường hợp là người đang hưởng lương hưu làm việc tại hội thì mức thù lao tối đa được xác định bằng chênh lệch giữa mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh cộng với phụ cấp chức vụ và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) tại thời điểm nghỉ hưu (được tính theo mức lương cơ sở hiện hành) so với mức lương hiện hưởng.

3. Chế độ, chính sách khác đối với người làm việc tại hội thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, pháp luật về lao động và điều lệ hội.

Điều 9. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ

1. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ đối với hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh gồm: Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Thường trực Ban Bí thư; Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

2. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ đối với hội có phạm vi hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã gồm:

- a) Cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ cấp ủy, Thường trực, Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 10. Nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao cho hội

Ngoài những nhiệm vụ được quy định trong điều lệ hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì Đảng, Nhà nước giao hoặc đặt hàng hội các nhiệm vụ sau:

- 1. Tham gia tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục truyền thống cho hội viên;
- 2. Thực hiện một số dịch vụ công, các chương trình, đề tài, đề án theo lĩnh vực hoạt động của hội;
- 3. Tư vấn, phản biện, giám định xã hội;
- 4. Các hoạt động cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động của hội phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Điều 11. Các hành vi bị cấm

Nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập, tổ chức và hoạt động hội thực hiện các hành vi, mục đích sau:

- 1. Làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng; gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, khối đại đoàn kết dân tộc và gây mất an ninh chính trị, trật tự xã hội;
- 2. Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cộng đồng, tổ chức, cá nhân;
- 3. Xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc;
- 4. Rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- 5. Làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp giấy phép thành lập hội hoặc điều lệ hội;
- 6. Làm rối loạn thị trường trong nước.

Điều 12. Cơ sở dữ liệu về hội

- 1. Cơ sở dữ liệu về hội là tập hợp thông tin về các hội và hoạt động của các hội nhằm lưu trữ và chia sẻ thông tin về các hội.
- 2. Cơ sở dữ liệu về hội được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Công dịch vụ công của Bộ Nội vụ, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các

bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính trong cho phép và quản lý hoạt động của các tổ chức hội.

3. Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội:

a) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội bao gồm:

- Thông tin được xác lập khi hội đề nghị thành lập hội;
- Bản sao hoặc bản điện tử được ký số hợp lệ của hồ sơ đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ hoặc sửa đổi, bổ sung điều lệ hội;
- Các báo cáo định kỳ và đột xuất;
- Các thông tin liên quan khác (nếu có);

b) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về các hội được xác lập từ các nguồn sau:

- Thông tin của các hội cung cấp trong hồ sơ đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ hoặc sửa đổi, bổ sung điều lệ hội;
- Thông tin do hội cập nhật lên cơ sở dữ liệu;
- Thông tin do các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động cung cấp;
- Thông tin được số hóa, chuẩn hóa từ quyết định giải quyết các thủ tục hành chính về hội;
- Thông tin được chia sẻ, chuyển đổi, chuẩn hóa từ các cơ sở dữ liệu được thiết lập trước đây.

4. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về hội:

a) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội được lưu trữ đầy đủ, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở dữ liệu về hội được bảo vệ nghiêm ngặt, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin; bảo đảm sự tương thích, an toàn, thông suốt trong toàn hệ thống các cơ sở dữ liệu.

5. Quản lý, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội:

a) Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về hội; ban hành quy chế quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến sau khi cơ sở dữ liệu về hội được xây dựng và vận hành; cấp mã số và các tài khoản định danh cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các hội vào cơ sở dữ liệu về hội;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hội được truy cập và khai thác cơ sở dữ liệu về hội;

c) Bộ Nội vụ, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hội có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về hội.

Chương II

THÀNH LẬP HỘI

Điều 13. Điều kiện thành lập hội

1. Tên gọi của hội:

a) Viết bằng tiếng Việt, có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài;

b) Phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của hội;

c) Không trùng lặp với tên gọi của hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động;

d) Không gắn liền với tên các danh nhân và tên gọi của cá nhân, tên gọi của tổ chức đã được thành lập theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

2. Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động.

3. Có tôn chỉ, mục đích phù hợp quy định pháp luật.

4. Có điều lệ.

5. Có trụ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

6. Có đủ số lượng công dân, tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội:

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 100 công dân, tổ chức ở hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

b) Hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh có ít nhất 50 công dân, tổ chức ở hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

c) Hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện có ít nhất 20 công dân, tổ chức ở hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

d) Hội hoạt động trong phạm vi cấp xã có ít nhất 10 công dân, tổ chức ở trong đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội.

Điều 14. Ban vận động thành lập hội

1. Công dân, tổ chức Việt Nam có nhu cầu thành lập hội phải dự kiến Trưởng ban, Phó Trưởng ban và danh sách những người là ủy viên tham gia thành viên Ban vận động thành lập hội theo quy định tại khoản 3 Điều này, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này công nhận Ban vận động thành lập hội, gồm trưởng ban, phó trưởng ban và các ủy viên;

2. Các thành viên trong Ban vận động thành lập hội phải là công dân Việt Nam, sống thường trú sống thường trú trong địa bàn theo phạm vi hoạt động của hội dự kiến thành lập, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đảm bảo sức khỏe, quan tâm hoặc hoạt động trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và cơ cấu thành viên Ban vận động thành lập hội đảm bảo tính đại diện cho các vùng, miền (trường hợp hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh). Trưởng Ban vận động thành lập hội phải là người có uy tín, kinh nghiệm và am hiểu trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Số thành viên trong Ban vận động thành lập hội được quy định như sau:

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 10 thành viên ở hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;

b) Hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh có ít nhất 05 thành viên ở hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

c) Hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện có ít nhất 03 thành viên ở hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

d) Hội hoạt động trong phạm vi cấp xã có ít nhất 03 (ba) thành viên.

4. Ban vận động thành lập hội có trách nhiệm:

a) Vận động công dân, tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định này;

b) Hoàn thiện 01 bộ hồ sơ thành lập hội theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này;

c) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận Ban Vận động thành lập hội, Ban vận động không thực hiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này, quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội đương nhiên hết hiệu lực.

5. Ban vận động thành lập hội tự giải thể sau khi tổ chức đại hội thành lập bầu ra ban lãnh đạo hội.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền công nhận Ban vận động thành lập hội

1. Hồ sơ đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội, trong đơn nêu rõ tên hội, tôn chỉ, mục đích của hội, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động, dự kiến thời gian trụ bị thành lập hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp;

b) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyết định cử người đại diện, sơ yếu lý lịch người đại diện tham gia Ban vận động thành lập hội đối với thành viên là tổ chức; sơ yếu lý lịch đối với thành viên là cá nhân và danh sách trích ngang của những người dự kiến trong Ban vận động thành lập hội, gồm: Họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; trú quán; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn; địa chỉ; số điện thoại; chức vụ, đơn vị công tác (nếu có); chức danh trong Ban vận động;

c) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (bản chính) của Trưởng Ban vận động thành lập hội, nếu thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này không cần phiếu lý lịch tư pháp).

2. Thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện, cấp xã.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội có hiệu lực 02 năm. Nếu quá thời hạn trên, hội chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này quyết định cho phép thành lập hội, thì Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 16. Hồ sơ, thủ tục thành lập hội

1. Hồ sơ đề nghị thành lập hội được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Đơn đề nghị thành lập hội (bản gốc);

b) Dự thảo điều lệ;

c) Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội kèm theo danh sách thành viên Ban vận động thành lập hội (bản chính);

d) Danh sách và đơn đăng ký gia nhập hội của công dân, tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội (bản gốc);

đ) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (bản chính) của Trưởng Ban vận động thành lập hội, đồng thời dự kiến là người đứng đầu hội nếu thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này không cần phiếu lý lịch tư pháp);

e) Danh sách dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo của hội. Trong trường hợp dự kiến người đứng đầu hội không phải là Trưởng Ban vận động thành lập hội thì phải bổ sung sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (bản chính), nếu thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này không cần phiếu lý lịch tư pháp); nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

g) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;

h) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở của hội theo quy định của pháp luật (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

i) Văn bản đóng góp tài sản thành lập hội của thành viên Ban vận động thành lập hội (nếu có) và tài liệu chứng minh tài sản đóng góp thành lập hội theo quy định của pháp luật (bản chính);

k) Tài liệu có liên quan đến việc xin phép thành lập hội.

2. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này phối hợp với các cơ quan có liên quan quyết định cho phép thành lập hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 17. Nội dung chính của Điều lệ hội

1. Tên gọi của hội.

2. Tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của hội.

3. Địa vị pháp lý, trụ sở của hội.

4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hội.

5. Quyền và nghĩa vụ của hội.

6. Tiêu chuẩn hội viên.

7. Quyền, nghĩa vụ của hội viên; thủ tục gia nhập hội, ra khỏi hội, thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên.

8. Cơ cấu tổ chức, thể thức bầu và miễn nhiệm; nhiệm vụ, quyền hạn của ban lãnh đạo, ban kiểm tra; nguyên tắc, hình thức biểu quyết;

9. Đại diện theo pháp luật của hội; thể thức bầu, miễn nhiệm và nhiệm vụ, quyền hạn của các chức danh lãnh đạo hội. Tiêu chuẩn, độ tuổi, số nhiệm kỳ của người đứng đầu hội.

10. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể hội.

11. Tài sản, tài chính, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội.

12. Khen thưởng, kỷ luật.

13. Khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại trong nội bộ hội.

14. Sửa đổi, bổ sung điều lệ.

15. Hiệu lực thi hành.

Điều 18. Thời gian đại hội thành lập

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập hội, Ban vận động thành lập hội tổ chức đại hội thành lập. Trường hợp chưa tổ chức được đại hội thành lập, Ban vận động thành lập hội phải có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này đề nghị gia hạn. Thời gian gia hạn không quá 45 ngày kể từ khi hết 90 ngày theo quy định, nếu quá thời gian được gia hạn mà không tổ chức đại hội thành lập thì quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng.

Điều 19. Hội viên

Hội viên của hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức:

Công dân, tổ chức Việt Nam tán thành điều lệ hội, tự nguyện gia nhập hội, đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định của điều lệ hội có thể trở thành hội viên chính thức của hội. Tổ chức Việt Nam cử người đại diện là công dân Việt Nam tham gia hội.

2. Hội viên liên kết:

Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của hội, tán thành điều lệ hội, tự nguyện gia nhập hội, có thể trở thành hội viên liên kết của hội.

3. Hội viên danh dự:

Công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp đối với hội được hội mời làm hội viên danh dự của hội.

4. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của hội trừ quyền biểu quyết các vấn đề của hội và không được tham gia bầu cử, ứng cử vào Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra hội.

5. Tiêu chuẩn, thủ tục kết nạp, quyền, nghĩa vụ của hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự do điều lệ hội quy định.

Chương III

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 20. Cơ cấu tổ chức của hội

Cơ cấu tổ chức của hội gồm:

1. Đại hội;
2. Ban lãnh đạo;
3. Ban kiểm tra;
4. Các tổ chức khác do điều lệ hội và pháp luật quy định.

Điều 21. Đại hội thành lập hội, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường.

2. Đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu chỉ được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số người đăng ký gia nhập hội có mặt đối với đại hội thành lập; đối với đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường chỉ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt;

3. Nhiệm kỳ đại hội do điều lệ hội quy định nhưng không quá 05 năm kể từ ngày kết thúc đại hội nhiệm kỳ trước hoặc kể từ ngày tổ chức đại hội thành lập đối với hội mới được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập. Kể từ ngày hết nhiệm kỳ đại hội, nếu hội không tiến hành đại hội, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định tại Nghị định này;

4. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên ban lãnh đạo hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

5. Các tính thời hạn tổ chức Đại hội:

a) Đại hội nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ đại hội của hội thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp hội kéo dài nhiệm kỳ đại hội thì thời hạn tổ chức đại hội tiếp theo được tính kể từ ngày hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ mới.

b) Đại hội bất thường:

Hội tổ chức đại hội bất thường để thông qua việc đổi tên thì được tính thời hạn tổ chức đại hội tiếp theo kể từ ngày hội tổ chức đại hội bất thường;

Trường hợp hội tổ chức đại hội bất thường để thông qua việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội thì hội thành lập mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội được tính thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ tiếp theo kể từ ngày hội tổ chức đại hội thành lập mới.

6. Trước khi tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường 30 ngày, Ban lãnh đạo hội phải gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động.

7. Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội thành lập:

a) Văn bản của hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này về việc tổ chức đại hội thành lập;

b) Dự thảo phương hướng hoạt động của hội;

c) Dự thảo điều lệ hội;

d) Danh sách dự kiến nhân sự Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ xin thành lập hội); nếu nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội khác với nhân sự dự kiến trong hồ sơ xin thành lập hội thì hội phải bổ sung sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (bản chính) của nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội, nếu thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này không cần phiếu lý lịch tư pháp);

e) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;

8. Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ:

a) Văn bản của hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ;

b) Nghị quyết của Ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ;

c) Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội; báo cáo kiểm điểm của Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội; báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội;

d) Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

đ) Danh sách dự kiến nhân sự Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra của hội. Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội, nếu thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này không cần phiếu lý lịch tư pháp);

e) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;

g) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có).

9. Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội bất thường:

a) Văn bản của hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này về việc tổ chức đại hội bất thường;

b) Nghị quyết của Ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;

c) Dự thảo những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;

d) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội.

10. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ báo cáo đầy đủ, hợp pháp theo quy định tại khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều này cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội. Trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động thì chậm nhất không quá 30 ngày làm việc phải có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội.

11. Hội tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này.

Điều 22. Nội dung chính, nguyên tắc biểu quyết tại đại hội

1. Nội dung chủ yếu của đại hội thành lập:

a) Công bố quyết định cho phép thành lập hội;

b) Thảo luận Điều lệ đã được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này xem xét khi cho phép thành lập hội và biểu quyết tán thành điều lệ;

c) Biểu quyết số lượng thành viên Ban lãnh đạo (trong đó số lượng thành viên Ban lãnh đạo chiếm khoảng 20% số lượng hội viên đăng ký tham gia thành lập hội nhưng tối đa không quá 30 thành viên Ban lãnh đạo hội và chỉ Đại hội mới có quyền quyết định số lượng thành viên Ban lãnh đạo); đề cử, ứng cử vào danh sách thành viên ban lãnh đạo và bầu Ban lãnh đạo;

d) Thông qua chương trình hoạt động của hội;

đ) Thông qua nghị quyết đại hội.

2. Nội dung chính tại đại hội nhiệm kỳ:

a) Thông qua báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội; báo cáo kiểm điểm của ban lãnh đạo, ban kiểm tra;

b) Biểu quyết số lượng thành viên Ban lãnh đạo (trong đó số lượng thành viên Ban lãnh đạo hội chiếm khoảng 10% số lượng hội viên chính thức nhưng tối đa không quá 85 thành viên Ban lãnh đạo hội và chỉ Đại hội mới có quyền quyết định số lượng thành viên Ban lãnh đạo); đề cử, ứng cử vào danh sách thành viên ban lãnh đạo và bầu Ban lãnh đạo;

c) Thảo luận đổi tên hội (nếu có); thông qua điều lệ nhiệm kỳ mới của hội;

d) Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể hội (nếu có);

đ) Tài chính của hội;

e) Các vấn đề khác theo quy định của điều lệ hội;

g) Thông qua nghị quyết đại hội.

3. Nội dung đại hội bất thường:

a) Thông qua những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;

b) Thông qua nghị quyết đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội:

a) Đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do đại hội quyết định.

b) Các quyết định của đại hội được thông qua theo nguyên tắc quá bán do điều lệ hội quy định nhưng phải đảm bảo trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức biểu quyết tán thành.

Điều 23. Báo cáo kết quả đại hội, phê duyệt điều lệ hội

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường, Ban lãnh đạo hội gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này, gồm:

a) Văn bản báo cáo, đề nghị phê duyệt điều lệ hội (bản chính);

b) Dự thảo điều lệ;

c) Biên bản đại hội; biên bản bầu Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra, các chức danh lãnh đạo hội (có danh sách kèm theo);

d) Phương hướng hoạt động của hội;

đ) Nghị quyết đại hội.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này quyết định phê duyệt điều lệ hội. Trường hợp quy định của điều lệ hội trái với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối phê duyệt và yêu cầu hội sửa đổi, trừ hội phạm vi hoạt động toàn quốc có đảng đoàn.

3. Trình tự thủ tục phê duyệt điều lệ hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đại hội kết thúc, Ban lãnh đạo hội gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Bộ Nội vụ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ báo cáo kết quả đại hội đầy đủ, Bộ Nội vụ có văn bản gửi cơ quan có liên quan có ý kiến về dự thảo điều lệ của hội;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Nội vụ thẩm định dự thảo điều lệ hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt điều lệ. Trường hợp điều lệ hội có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ từ chối phê duyệt Điều lệ và yêu cầu ban lãnh đạo hội hoàn thiện điều lệ hội phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Điều lệ hội chỉ có giá trị thực hiện trong nhiệm kỳ hiện tại của hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

Điều 24. Tiêu chuẩn, điều kiện của người đứng đầu hội; việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu hội; thủ tục đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội

1. Tiêu chuẩn, điều kiện của người đứng đầu hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

- Có chuyên môn và hiểu biết về lĩnh vực hoạt động của hội; có uy tín, kinh nghiệm và am hiểu trong lĩnh vực hội hoạt động;

- Có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, có phương pháp quản lý, điều hành, quy tụ, tập hợp, đoàn kết hội viên;

- Có sức khỏe;

- Đảm bảo các tiêu chuẩn khác quy định tại điều lệ hội;

b) Điều kiện:

- Không được giữ quá chức danh người đứng đầu của 02 hội có cùng phạm vi hoạt động;

- Không đồng thời kiêm nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong cơ quan, tổ chức nhà nước.

- Đảm bảo các điều kiện khác quy định tại điều lệ hội.

2. Việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu hội thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của hội.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội

a) Trước khi tổ chức đại hội hoặc hội nghị ban lãnh đạo hội để bầu người đứng đầu hội, hội có văn bản (kèm hồ sơ nhân sự) gửi cơ quan nhà nước có thẩm

quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước có thẩm quyền) để đăng ký. Hồ sơ nhân sự dự kiến người đứng đầu hội gồm: Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, ý kiến của cấp có thẩm quyền bằng văn bản (nếu có);

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của hội đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản gửi cơ quan công an và các cơ quan liên quan cùng cấp có ý kiến về nhân sự dự kiến người đứng đầu hội;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản trả lời hội. Nếu thống nhất với nhân sự dự kiến người đứng đầu hội theo đăng ký của hội thì thông báo để hội tổ chức đại hội hoặc hội nghị ban lãnh đạo hội. Nếu không thống nhất với đăng ký của hội thì phải nêu rõ lý do và đề nghị hội dự kiến nhân sự khác để tiến hành theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức hoặc đã là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đã nghỉ hưu dự kiến là người đứng đầu hội thuộc diện phải được cấp có thẩm quyền đồng ý, nếu đã được cấp có thẩm quyền nhất trí bằng văn bản hoặc giới thiệu thì hồ sơ nhân sự không phải kèm theo phiếu lý lịch tư pháp và không phải thực hiện theo quy định tại Điểm b khoản này;

d) Sau khi hội nghị ban lãnh đạo hội bầu người đứng đầu hội, trường hợp hội bầu đúng nhân sự dự kiến thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hội bầu người đứng đầu hội, hội có văn bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nhân sự được bầu làm người đứng đầu hội.

Trường hợp hội bầu không đúng nhân sự dự kiến thì ban lãnh đạo hội vẫn phải gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối đăng ký thì phải có lý do để ban lãnh đạo hội tiến hành bầu lại nhân sự dự kiến người đứng đầu hội theo quy định.

4. Miễn nhiệm người đứng đầu hội

a) Người đứng đầu hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: Không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; người đứng đầu có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Ban lãnh đạo hội khi miễn nhiệm người đứng đầu hội theo quy định tại điểm a Khoản này, phải đồng thời bầu người đứng đầu khác để thay thế theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

c) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày miễn nhiệm người đứng đầu hội, hội có văn bản báo cáo gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản báo cáo nêu rõ họ và tên, lý do miễn nhiệm và đính kèm biên bản họp miễn nhiệm và bầu người đứng đầu mới của hội.

5. Bãi nhiệm người đứng đầu hội

a) Người đứng đầu hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc người đứng đầu hội vi phạm pháp luật, điều lệ hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của hội hoặc bản án có hiệu lực của Tòa án theo quy định của pháp luật hình sự đối với người đứng đầu hội;

b) Ban lãnh đạo hội bãi nhiệm người đứng đầu hội theo quy định tại điểm a Khoản này; đồng thời bầu người đứng đầu khác để thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bãi nhiệm người đứng đầu hội, hội có văn bản báo cáo gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản báo cáo nêu rõ họ và tên, lý do bãi nhiệm và đính kèm biên bản họp bãi nhiệm và bầu người đứng đầu mới của hội.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 25. Quyền của hội

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ hội đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của hội.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của hội.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của hội.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội; hoà giải tranh chấp trong nội bộ hội.
6. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn theo quy định của pháp luật; tham gia cung cấp dịch vụ, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
8. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở của hội theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.
9. Thành lập pháp nhân thuộc hội theo quy định của pháp luật.
10. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
11. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.

12. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

13. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

14. Được kiến nghị cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Nghị định này giao nhiệm vụ và được Nhà nước cấp hoặc hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền giao.

15. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế. Sau khi gia nhập, ký kết, hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động.

16. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Nghĩa vụ của hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội và điều lệ hội.

2. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó.

3. Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường theo quy định tại khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 21 Nghị định này.

4. Khi thay đổi chức vụ lãnh đạo hội, thay đổi trụ sở, hội phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động.

5. Hội báo cáo việc thành lập pháp nhân thuộc hội, việc đặt văn phòng đại diện của hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động.

6. Hàng năm, hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt trụ sở, văn phòng đại diện trước ngày 31 tháng 12.

7. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ hội.

8. Lập và lưu giữ tại trụ sở hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội, biên bản các cuộc họp ban lãnh đạo hội.

9. Kinh phí thu được theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều 25 Nghị định này phải dành cho hoạt động hội theo quy định của điều lệ hội, không được chia cho hội viên.

10. Việc sử dụng kinh phí của hội phải chấp hành quy định của pháp luật và điều lệ hội; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thông kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hàng năm, hội phải thực hiện kiểm toán độc lập và báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này.

11. Ban hành các quy định về hoạt động của Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; khen thưởng, xử lý kỷ luật; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội; quản lý và sử dụng con dấu của hội và các quy định khác.

12. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của hội.

13. Phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội.

14. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tạm đình chỉ chức danh người đứng đầu hội và cấp phó của người đứng đầu hội

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này ra quyết định tạm đình chỉ điều hành 180 ngày của người đứng đầu hội nếu người đứng đầu hội vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Bầu các chức danh lãnh đạo hội không đúng quy định của pháp luật và điều lệ hội;

b) Vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định này;

c) Vi phạm các quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của ban lãnh đạo, người đứng đầu hội được quy định trong điều lệ và quy chế hoạt động nội bộ của hội.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận hội vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều hành của người đứng đầu hội, đồng thời chỉ định một cấp phó thường trực của người đứng đầu hội tạm thời thay thế điều hành hội.

3. Hội quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục tạm đình chỉ, cho phép tham gia hoạt động trở lại với chức danh cấp phó của người đứng đầu hội khi vi phạm pháp luật và điều lệ hội.

4. Trường hợp người đứng đầu hội, cấp phó của người đứng đầu hội không đồng ý với quyết định tạm đình chỉ, thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, người đứng đầu hội, cấp phó của người đứng đầu hội không được tham gia các hoạt động của hội.

5. Trong thời hạn tạm đình chỉ người đứng đầu hội nếu hội khắc phục được vi phạm và bồi thường các thiệt hại (nếu có) thì hội có văn bản báo cáo (kèm theo các tài liệu chứng minh hội đã khắc phục vi phạm) và đồng thời có ý kiến đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép người đứng đầu hội tiếp tục điều hành hội theo quy định của pháp luật, điều lệ hội nếu các vi phạm của hội chưa đến mức phải miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu hội. Trường hợp đến mức phải miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu thì hội thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép người đứng đầu hội được tiếp tục điều hành hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 28. Khen thưởng, kỷ luật

1. Hội, hội viên, người làm việc tại hội có nhiều thành tích, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội thì được khen thưởng theo quy định của hội và quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, đơn vị thuộc hội, hội viên vi phạm pháp luật, điều lệ và quy định của hội, tùy theo mức độ, bị hội xem xét kỷ luật. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội

1. Việc giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ do hội giải quyết theo quy định của điều lệ hội; trường hợp hội không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ban lãnh đạo hội quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội phù hợp điều lệ hội, quy định của pháp luật.

2. Hội báo cáo kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm quyền lập hội, lợi dụng danh nghĩa hội để hoạt động trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn cho phép thành lập hội trái với quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Ban lãnh đạo hội, người đứng đầu hội và các chức danh lãnh đạo hội không thực hiện các quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật về hội, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Điều 31. Văn phòng đại diện

1. Đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, khi đặt văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở của hội, gửi 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt văn phòng đại diện, gồm:

a) Đơn đề nghị đặt văn phòng đại diện trong đó nêu rõ sự cần thiết đặt văn phòng đại diện (bản chính);

b) Dự kiến nội dung hoạt động của văn phòng đại diện;

c) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt văn phòng đại diện của hội theo quy định của pháp luật (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

d) Quyết định thành lập hội và điều lệ hội (bản sao có chứng thực hoặc bản sao có kèm bản chính để đối chiếu).

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định cho phép hội đặt văn phòng đại diện; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý bằng văn bản về việc cho phép đặt văn phòng đại diện, hội báo cáo bằng văn bản với Bộ Nội vụ và Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội hoạt động.

Điều 32. Thành lập pháp nhân và tổ chức cơ sở thuộc hội

1. Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều lệ hội mà pháp luật chuyên ngành quy định về điều kiện, thủ tục, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động thì hội quyết định thành lập pháp nhân theo quy định của pháp luật. Hội báo cáo việc thành lập pháp nhân với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này, hồ sơ được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Quyết định thành lập pháp nhân (bản chính);

b) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

c) Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

2. Hội được thành lập liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội thuộc hội (gọi chung là tổ chức cơ sở thuộc hội) theo quy định của điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này phê duyệt. Tổ chức cơ sở do hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng.

CHƯƠNG V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 33. Đổi tên hội

1. Việc đổi tên hội do đại hội của hội xem xét, thông qua.

2. Hồ sơ đổi tên hội được lập thành 01 bộ gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này, gồm:

a) Đơn đề nghị đổi tên hội và đề nghị phê duyệt điều lệ, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội;

b) Nghị quyết đại hội của hội về việc đổi tên hội và thông qua điều lệ hội;

c) Dự thảo điều lệ hội theo tên mới;

d) Biên bản bầu ban lãnh đạo, ban kiểm tra, các chức danh lãnh đạo hội (có danh sách kèm theo);

đ) Phương hướng hoạt động của hội;

e) Biên bản đại hội.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép hội đổi tên và phê duyệt điều lệ của hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 34. Hồ sơ, thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội

1. Hồ sơ chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, gồm:

a) Đơn đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội (bản chính);

b) Đề án chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội đã được đại hội thông qua (bản chính), trong đề án gồm có: Phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động; phân định chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện; danh sách ban lãnh đạo và ban kiểm tra lâm thời của hội thành lập mới;

c) Nghị quyết đại hội về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội (bản chính);

d) Dự thảo điều lệ hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội;

e) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban lãnh đạo lâm thời, nếu thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này không cần phiếu lý lịch tư pháp);

g) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở của hội thành lập mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội (bản chính).

2. Thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội:

a) Hội thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan nhà nước quy định tại Điều 43 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực chính hội hoạt động;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội;

c) Các hội chia, sáp nhập, hợp nhất (trừ trường hợp tách hội) chấm dứt tồn tại và hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này cho phép chia, sáp nhập, hợp nhất hội. Các quyền và nghĩa vụ của hội chia, sáp nhập, hợp nhất được chuyển giao cho các hội mới. Đối với trường hợp tách hội, thì hội tách và hội thành lập mới do tách hội phải cùng nhau chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của hội trước khi tách.

3. Tổ chức đại hội, phê duyệt điều lệ hội thành lập mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội

a) Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, ban lãnh đạo lâm thời của hội thành lập mới phải tổ chức đại hội để thông qua các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này. Ban lãnh đạo lâm thời tự giải thể sau khi đại hội bầu ban lãnh đạo của hội;

b) Hội báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này để đề nghị phê duyệt điều lệ hội.

Điều 35. Đình chỉ có thời hạn hoạt động của hội

1. Hội bị đình chỉ có thời hạn hoạt động 06 tháng khi vi phạm một trong những quy định sau:

a) Hoạt động sai mục đích, không đúng điều lệ của hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trong quá trình tổ chức, hoạt động có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự;

b) Hết thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hội giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhưng hội không giải quyết được.

- c) Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý tài sản, tài chính;
- d) Sử dụng sai các khoản tài trợ có mục đích của các tổ chức, cá nhân tài trợ cho hội;
- đ) Tổ chức vận động tài trợ không đúng với mục đích được quy định trong điều lệ;
- e) Không hoạt động liên tục trong thời hạn 06 tháng;
- g) Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động hàng năm và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này có văn bản đôn đốc nhưng quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đôn đốc hội vẫn không khắc phục;
- h) Hết 60 ngày kể từ ngày hội lập văn phòng đại diện, thay đổi chức danh lãnh đạo của hội, thay đổi trụ sở hội hoặc lập các pháp nhân thuộc hội mà hội không báo cáo theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 26 Nghị định này;
- i) Vi phạm một trong các trường hợp không thực hiện nghĩa vụ tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 và khoản 14 Điều 26 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận sai phạm tại hội theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này ra quyết định đình chỉ có thời hạn hoạt động của hội. Ngoài việc bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, hội có thể bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại và những người có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý hội bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn đình chỉ có thời hạn nếu hội khắc phục được sai phạm, hội lập 01 hồ sơ đề nghị được hoạt động trở lại gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này xem xét, quyết định; hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị được hoạt động trở lại của hội;
- b) Báo cáo của ban lãnh đạo hội và các tài liệu chứng minh hội đã khắc phục sai phạm.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này cho phép hội hoạt động trở lại, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Hết thời hạn đình chỉ có thời hạn mà hội không khắc phục được vi phạm thì thời hạn đình chỉ có thời hạn được tự động kéo dài thêm 30 ngày, quá thời hạn kéo dài thêm mà hội vẫn không khắc phục được sai phạm, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này quyết định giải thể hội.

6. Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội quyết định xử phạt hành chính; chuyển hồ sơ và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

Điều 36. Hội tự giải thể

1. Hội tự giải thể khi ban lãnh đạo hội hoặc khi trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Điều 43 Nghị định này ra quyết định giải thể hội.

2. Hội lập 01 bộ hồ sơ giải thể, gồm:

- a) Đơn đề nghị giải thể hội;
- b) Biên bản họp ban lãnh đạo hội về việc giải thể hội hoặc biên bản có chữ ký của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;
- c) Bản kê tài sản, tài chính;
- d) Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ.

3. Hội gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này và thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật tại trụ sở hội, văn phòng đại diện (nếu có) trong thời gian 15 ngày đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh; tại trụ sở hội trong thời gian 15 ngày đối với hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này quyết định giải thể hội sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của hội khi xin giải thể mà không có đơn khiếu nại.

5. Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể hội có hiệu lực.

Điều 37. Hội bị giải thể

1. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 43 Nghị định này khi vi phạm một trong các trường hợp:

- a) Hoạt động của hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
- b) Tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường mà không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Quá một năm kể từ ngày hết nhiệm kỳ mà hội không tổ chức Đại hội, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng;
- d) Hội không hoạt động liên tục 12 tháng;
- đ) Quá thời hạn đình chỉ có thời hạn hội mà hội không khắc phục được vi phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định này;
- e) Hết thời hạn tạm đình chỉ điều hành của người đứng đầu hội mà hội không khắc phục được vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này;

e) Hết 180 ngày kể từ ngày có yêu cầu của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị nhưng ban lãnh đạo hội không tiến hành thủ tục tự giải thể hội;

g) Hội không đủ số lượng hội viên theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận hội vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 43 Nghị định này có trách nhiệm:

a) Yêu cầu hội thực hiện kiểm kê tài sản, tài chính; dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật và điều lệ hội;

b) Thông báo bằng văn bản về việc giải thể và thời hạn thanh toán nợ, thanh lý tài sản, tài chính của hội liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở Trung ương đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương đối với hội hoạt động trong phạm vi địa phương;

c) Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo mà không có đơn, thư khiếu nại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giải thể hội.

3. Trường hợp hội bị giải thể mà không đồng ý với quyết định giải thể, thì hội có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, hội không được hoạt động.

4. Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định giải thể hội có hiệu lực.

Điều 38. Giải quyết tài sản, tài chính khi hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn, giải thể và thu hồi con dấu của hội

1. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi chia, tách:

a) Sau khi chia hội, hội bị chia chấm dứt hoạt động, quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho hội mới theo quyết định chia hội;

b) Sau khi tách, các hội thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của mình phù hợp với mục đích hoạt động của hội đó.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi sáp nhập:

a) Hội được sáp nhập vào hội khác, thì tài sản, tài chính của hội được sáp nhập chuyển giao cho hội sáp nhập;

b) Hội sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài sản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện của hội được sáp nhập.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội hợp nhất:

a) Sau khi hợp nhất hội thành hội mới, các hội cũ chấm dứt tồn tại, hội mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà các hội cũ đang thực hiện;

b) Tài sản, tài chính của các hội hợp nhất không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho hội mới.

4. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội bị tạm đình chỉ hoạt động:

Trường hợp hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn thì toàn bộ tiền và tài sản của hội phải được kiểm kê và giữ nguyên hiện trạng tài sản. Trong thời gian bị đình chỉ có thời hạn hoạt động, hội chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ máy hoạt động đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Hội tự giải thể, bị giải thể, tài sản của hội được giải quyết như sau:

a) Tài sản, tài chính do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ; tài sản, tài chính do Nhà nước hỗ trợ mà hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

b) Đối với nguồn tài sản, tài chính tự có của hội, mà hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ sau khi hội giải thể thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do hội quyết định theo quy định của điều lệ hội.

6. Việc thu hồi con dấu của hội

Việc thu hồi con dấu đối với hội đổi tên, hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị tạm đình chỉ hoạt động, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ

Điều 39. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Cơ sở xác định hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

a) Đối với hội là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp:

- Được cơ quan có thẩm quyền của Đảng công nhận là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp;

- Đã được Nhà nước giao biên chế, hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động.

b) Đối với hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế:

- Có vai trò quan trọng trong việc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

- Có khó khăn trong việc huy động nguồn lực tài chính phục vụ cho hoạt động của hội;

- Đã được Nhà nước giao biên chế, hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động.

c) Đối với hội là tổ chức xã hội:

- Hoạt động vì mục tiêu xã hội, nhân đạo;

- Là hội của những đối tượng chịu nhiều khó khăn, thiết thời cần được xã hội, Nhà nước quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện hoạt động;

- Đã được Nhà nước hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động.

2. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc được xác định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định trên cơ sở căn cứ khoản 1 Điều này và tình hình thực tế, điều kiện ngân sách ở địa phương.

4. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện các quy định chung tại Nghị định này và quy định của Điều 40, Điều 41, Điều 42 của Nghị định này.

Điều 40. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của khoản 1 Điều 25 Nghị định này và quy định của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 41. Quyền, nghĩa vụ của hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Quyền của hội:

a) Tham gia với các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực hoạt động của hội;

b) Tham gia thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật;

c) Tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chính sách, chương trình, đề tài, dự án do cơ quan nhà nước yêu cầu về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nghĩa vụ của hội:

a) Tập hợp, nghiên cứu ý kiến, kiến nghị của các hội thành viên, hội viên theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội để tham gia vào các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước;

b) Tập hợp các chuyên gia đầu ngành, các chuyên gia giỏi ở các hội thành viên và các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao, thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội;

c) Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Sử dụng điều lệ chung đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có cùng lĩnh vực hoạt động chính

Hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là hội viên của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc nếu đại hội của hội ra nghị quyết thống nhất thừa nhận điều lệ hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc thì không phải xây dựng điều lệ riêng và có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để theo dõi, quản lý chung; đồng thời xây dựng quy chế tổ chức, hoạt động của tổ chức mình phù hợp với điều lệ hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc và quy định của pháp luật về hội.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

Điều 43. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội

1. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn; trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền:

a) Cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; cho ý kiến về đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội, tạm đình chỉ người đứng đầu hội và đình chỉ có thời hạn đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác về phê duyệt điều lệ; công nhận Ban vận động thành lập hội đối với hội hoạt động phạm vi toàn quốc có dự kiến lĩnh vực chính chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; cho ý kiến về đăng ký người được bầu làm người đứng

đầu hội; tạm đình chỉ người đứng đầu hội, đình chỉ có thời hạn đối với hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Xây dựng trình hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hội.
2. Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, các hội và công dân thi hành pháp luật về hội.
3. Thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định này.
4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của hội.
5. Hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý hội.
6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội; kiểm tra việc thực hiện điều lệ hội đối với các hội.
7. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội theo quy định của pháp luật.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính của Bộ và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức thuộc, trực thuộc Bộ theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
9. Tổng hợp báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
10. Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội.

Điều 45. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Trách nhiệm chung:
 - a) Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan trước khi xem xét, quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội;
 - b) Tham gia bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi giải quyết các thủ tục về hội tại khoản 1, khoản 2 Điều 43 Nghị định này;
 - c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hội thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ;
 - d) Lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về hội trước khi ban hành cơ chế, chính sách hội tham gia chương trình dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ công, đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực các hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, tạo điều kiện để hội tổ chức đại hội thành lập, đại hội

nhiệm kỳ, đại hội bất thường; tổ chức lấy ý kiến của hội để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực;

đ) Khen thưởng hoạt đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật;

e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính của Bộ, cơ quan ngang Bộ và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật; kiến nghị tạm đình chỉ điều hành của người đứng đầu hội, đình chỉ có thời hạn hoạt động của hội hoặc giải thể hội;

g) Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm quy định, hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động của hội; ban hành cơ chế chính sách để hội tham gia thực hiện một số dịch vụ công, cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực;

h) Phối hợp trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội;

2. Trách nhiệm cụ thể:

a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm:

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội;
- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ ban hành quy định về chính sách đối với hội quy định tại Điều 7 Nghị định này;
- Chủ trì và phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động tài chính hội; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về thuế; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài chính đối với hội.

b) Bộ Công an chịu trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động vi phạm pháp luật của các hội và thực hiện quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với hội; phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu về hội;

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về quản lý chung việc sử dụng viện trợ và hướng dẫn sử dụng viện trợ của hội;

d) Ngân hàng nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính vi mô, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố liên quan đến khoản viện trợ của hội.

Điều 46. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép thành lập:

a) Thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định này và quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của hội;

b) Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và điều lệ hội hoạt động ở địa phương;

c) Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội hoạt động ở địa phương;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

đ) Quy định, hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động của hội; ban hành cơ chế chính sách để hội tham gia thực hiện một số dịch vụ công, cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền;

e) Xem xét và cho phép hội hoạt động trong phạm vi địa phương nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

g) Chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban, ngành, uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc quản lý hội;

h) Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội ở địa phương;

i) Phối hợp trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh hoạt động tại địa phương:

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, kiến nghị xử lý vi phạm, tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ hàng năm về hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Quy định mẫu trình bày văn bản

1. Danh mục các mẫu trình bày văn bản áp dụng cho các hội và công dân, tổ chức Việt Nam (Phụ lục II).

2. Danh mục các mẫu trình bày văn bản áp dụng cho cơ quan quản lý nhà nước về hội (Phụ lục III).

3. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của các mẫu theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Điều 48. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với người đứng đầu hội được bầu và đã báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi Nghị định này có hiệu lực thì không phải tiến hành thủ tục đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội.

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022 và thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù; Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội; Quyết định số 71/2011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù.

Điều 50. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: TCCV (5b), VT.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục I
DANH SÁCH HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ
(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022
của Chính phủ)

1. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
3. Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam
4. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
5. Hội Nhà văn Việt Nam
6. Hội Nhà báo Việt Nam
7. Hội Luật gia Việt Nam
8. Liên minh hợp tác xã Việt Nam
9. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
10. Liên đoàn Luật sư Việt Nam
11. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam
12. Hội Nhạc sĩ Việt Nam
13. Hội Điện ảnh Việt Nam
14. Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam
15. Hội Kiến trúc sư Việt Nam
16. Hội Mỹ thuật Việt Nam
17. Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam
18. Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam
19. Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam
20. Hội Người cao tuổi Việt Nam
21. Hội Người mù Việt Nam
22. Hội Đông y Việt Nam
23. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam
24. Tổng hội Y học Việt Nam
25. Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam
26. Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam
27. Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam
28. Hội Khuyến học Việt Nam

29. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam

30. Hội Xuất bản Việt Nam

Phụ lục II**DANH MỤC CÁC MẪU TRÌNH BÀY VĂN BẢN ÁP DỤNG CHO HỘI VÀ
CÔNG DÂN, TỔ CHỨC VIỆT NAM**

*(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022
của Chính phủ)*

- Mẫu 1 - Đơn công dân Việt Nam đăng ký tham gia hội
- Mẫu 2 - Đơn tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia hội
- Mẫu 3 - Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội
- Mẫu 4 - Đơn đề nghị thành lập hội
- Mẫu 5 - Công văn báo cáo kết quả đại hội
- Mẫu 6 - Công văn báo cáo đặt văn phòng đại diện
- Mẫu 7 - Công văn báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội
- Mẫu 8 - Công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo hội
- Mẫu 9 - Điều lệ hội
- Mẫu 10 - Đơn đề nghị tách hội
- Mẫu 11 - Đơn đề nghị chia hội
- Mẫu 12 - Đơn đề nghị sáp nhập hội
- Mẫu 13 - Đơn đề nghị hợp nhất hội
- Mẫu 14 - Đơn đề nghị giải thể hội
- Mẫu 15 - Đơn đề nghị đặt văn phòng đại diện
- Mẫu 16 - Báo cáo hoạt động hội.

Mẫu 1 - Đơn công dân Việt Nam đăng ký tham gia hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ**Tham gia Hội ...(1)...**

Kính gửi: ...(2)....

Sau khi nghiên cứu tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động của Hội ...(1)...., tôi tán thành và tự nguyện làm đơn này để đăng ký tham gia Hội.

1. Họ và tên:
2. Sinh ngày:; Nghề nghiệp:
3. Địa chỉ thường trú:
4. Số căn cước công dân:.....
5. Điện thoại:
6. Địa chỉ liên hệ:

Trân trọng đề nghị ...(2).... xem xét, đồng ý để tôi tham gia Hội./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội dự kiến thành lập;

(2) Tên ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Mẫu 2 - Đơn tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ**Tham gia Hội ...(1)...**

Kính gửi: ...(2)....

Sau khi nghiên cứu tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động của Hội ...(1)..., chúng tôi tán thành và tự nguyện làm đơn này đăng ký tham gia Hội.

1. Thông tin cơ bản về tổ chức

a) Tên:

b) Địa chỉ:

c) Số Giấy phép hoạt động (điều lệ): do cấp ngày ... tháng ... năm ...

d) Người đại diện theo pháp luật:

2. Người đại diện tổ chức tham gia Hội

a) Họ và tên:; Chức vụ:

b) Địa chỉ:

c) Số điện thoại:

Trân trọng đề nghị ...(2)... xem xét, đồng ý để chúng tôi tham gia Hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT, ...

..., ngày ... tháng ... năm ...
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội dự kiến thành lập;

(2) Tên ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Mẫu 3 - Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công nhận Ban Vận động thành lập Hội ...(1)...

Kính gửi: ...(2)....

Tôi là ... đại diện những người sáng lập (Ban Sáng lập) Hội ...(1)... trân trọng đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội ...(1)... như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở công nhận

1. Sự cần thiết

..... (3).....

2. Cơ sở

..... (4).....

II. Tên, tôn chỉ, mục đích

1. Tên Hội:

..... (5).....

2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

..... (6).....

III. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính

..... (7).....

IV. Hồ sơ gồm:

..... (8).....

Thông tin khi cần liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Ban Sáng lập Hội đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội ...(1)..../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Ban Sáng lập Hội.

..., ngày ... tháng ... năm ...

BAN SÁNG LẬP HỘI

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội dự kiến thành lập;
- (2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội;
- (3) Khái quát thực trạng lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sự cần thiết thành lập hội;
- (4) Nêu rõ việc đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội phù hợp quy định tại Nghị định và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- (5) Tên gọi bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có), tên viết tắt (nếu có) phù hợp với lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và quy định của pháp luật;
- (6) Xác định cụ thể tôn chỉ, mục đích phù hợp tên gọi và quy định của pháp luật;
- (7) Xác định cụ thể phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội dự kiến hoạt động phù hợp tên gọi, quy định của pháp luật;
- (8) Hồ sơ theo quy định tại Nghị định và các tài liệu có liên quan (nếu có).

Mẫu 4 - Đơn đề nghị thành lập hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thành lập Hội ... (1) ...

Kính gửi: ... (2) ...

Ban Vận động thành lập Hội ... (1) ... trân trọng đề nghị ... (2) ... xem xét, cho phép thành lập Hội ... (1) ... như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở thành lập

1. Sự cần thiết

..... (3)

2. Cơ sở

..... (4)

II. Tên hội, tôn chỉ, mục đích

1. Tên Hội:

..... (5)

2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

..... (6)

III. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động và nhiệm vụ, quyền hạn

1. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

..... (7)

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

..... (8)

IV. Tài sản, tài chính và trụ sở ban đầu:

1. Tài sản, tài chính đóng góp (nếu có):

2. Nơi dự kiến đặt trụ sở của Hội:

V. Hồ sơ, gồm:

..... (9)

Thông tin khi cần liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Ban Vận động thành lập Hội đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định cho phép thành lập Hội ...(1)..../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. BAN VẬN ĐỘNG

TRƯỞNG BAN

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội dự kiến thành lập;
- (2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội;
- (3) Khái quát thực trạng lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sự cần thiết thành lập hội;
- (4) Bảo đảm theo quy định tại Nghị định và quy định pháp luật có liên quan (nếu có);
- (5) Tên gọi bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có), tên viết tắt (nếu có) phù hợp với lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và quy định của pháp luật;
- (6) Xác định cụ thể tôn chỉ, mục đích phù hợp tên gọi và quy định của pháp luật;
- (7) Xác định cụ thể phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội dự kiến hoạt động phù hợp tên gọi, quy định của pháp luật;
- (8) Nêu các nhiệm vụ, quyền hạn của hội phù hợp tên gọi và quy định tại Nghị định và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- (9) Theo quy định tại Nghị định và tài liệu liên quan (nếu có).

Mẫu 5 - Công văn báo cáo kết quả đại hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...(2)...

V/v báo cáo kết quả Đại hội

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ...(3)...

Ngày ... tháng ... năm ..., Đại hội thành lập (Đại hội nhiệm kỳ ... hoặc Đại hội bất thường) Hội ...(1)... đã được tổ chức tại..., Đại hội đã thảo luận và thông qua nội dung sau:

.....(4).....

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....(5).....

- Tài liệu khác có liên quan (nếu có)

Hội ...(1)... báo cáo kết quả Đại hội với ...(3)...và đề nghị xem xét, quyết định ...(6)....

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (7)

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội;

(2) Viết tắt tên hội;

(3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội;

(4) Những nội dung đã được Đại hội thảo luận, thông qua;

(5) Theo quy định tại Nghị định;

(6) Nếu đại hội thành lập thì ghi phê duyệt điều lệ; nếu đại hội nhiệm kỳ hoặc bất thường mà có sửa đổi, bổ sung điều lệ thì ghi phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hoặc có đổi tên và phê duyệt điều lệ thì ghi: Đổi tên hội và phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của hội. Trường hợp đại hội nhiệm kỳ hoặc bất thường không sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc không đổi tên thì bỏ cụm từ: “và đề nghị xem xét, quyết định...”;

(7) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ghi trong điều lệ hiện hành, đối với đại hội thành lập thì chỉ cần chữ ký của Chủ tịch hội đã được ban lãnh đạo bầu.

Mẫu 6 - Công văn báo cáo đặt văn phòng đại diện

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...(2)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đặt văn phòng đại diện
 của Hội

Kính gửi: ...(3)...

Ủy ban nhân dân ...(4)... đã có Quyết định số ... ngày... tháng ... năm ... cho phép Hội ...(1)... đặt Văn phòng đại diện.

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Trưởng Văn phòng đại diện (nếu có):.....

Thực hiện quy định của pháp luật về hội, Hội ...(1)... trân trọng báo cáo với ...(3)... về việc Hội đặt Văn phòng đại diện của Hội tại ...(4)... (có bản sao Quyết định kèm theo)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (5)**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên)****Ghi chú:**

- (1) Tên hội;
- (2) Viết tắt tên hội;
- (3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội;
- (4) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã cho phép hội đặt văn phòng đại diện;
- (5) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ghi trong điều lệ hiện hành của hội.

Mẫu 7 - Công văn báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...(2)...

....., ngày ... tháng ... năm ...

*V/v thay đổi địa chỉ nơi đặt
trụ sở của Hội*

Kính gửi: ...(3)...

Hội ...(1)... thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ của Hội như sau:

Địa chỉ nơi đặt trụ sở mới:(4).....

Điện thoại, fax (nếu có):

Thực hiện quy định của pháp luật về hội, Hội ...(1)... trân trọng báo cáo với
...(3)... về việc Hội đã thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của Hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (5)
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội;
- (2) Viết tắt tên hội;
- (3) Cơ quan nhà nước quy định tại Nghị định;
- (4) Ghi chi tiết, cụ thể nơi đặt trụ sở mới của hội;
- (5) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ghi trong điều lệ hiện hành của hội.

Mẫu 8 - Công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...(2)..
 V/v thay đổi chức danh
 lãnh đạo

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ...(3)...

Hội đã thay đổi các chức danh lãnh đạo của Hội như sau (4):

1. Ông (bà):.....; chức vụ:
2. Ông (bà):.....; chức vụ:
3. Ông (bà):.....; chức vụ:
- ...

Tài liệu gửi kèm theo gồm: Nghị quyết, biên bản về việc bầu các chức danh lãnh đạo và sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của Chủ tịch Hội (5).

Thực hiện quy định pháp luật về hội, Hội trân trọng báo cáo với ...(3)... về việc thay đổi chức danh lãnh đạo của Hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (6)

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội;
- (2) Tên viết tắt của hội;
- (3) Cơ quan nhà nước quy định tại Nghị định;
- (4) Ghi cụ thể các trường hợp thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc các chức danh tương đương theo quy định của điều lệ hội;
- (5) Trường hợp không thay đổi Chủ tịch hội, bỏ cụm từ “và sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của Chủ tịch Hội”;
- (6) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ghi trong điều lệ hiện hành.

Mẫu 9 - Điều lệ hội (*)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐIỀU LỆ HỘI ...(2)...***(Phê duyệt kèm theo Quyết định số .../QĐ - ... ngày ... tháng ... năm ...
của ...)***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

1. Tên tiếng Việt:.....
2. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):.....
3. Tên viết tắt (nếu có):.....
4. Biểu tượng (nếu có):.....

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội ...(2)... (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức ...(3)... của ...(4)..., tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại.....

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi ...(5)..., trong lĩnh vực...(6)...
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của ...(7)... và ...(8)... có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.
(đối với hội có phạm vi hoạt động cả nước)

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự

xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức (9): Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực ...(6)..., có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết (nếu có).....(10).....

c) Hội viên danh dự (nếu có).....(11).....

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:(12).....

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh,.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

.....(13).....

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành (hoặc tên gọi khác).

3. Ban Thường vụ (hoặc tên gọi khác).

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, các ban chuyên môn (nếu có).

6. Các tổ chức thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức ...(14)... một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ

sung không được quá...(15)... so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp ... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên ... tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ... ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên ... tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi ... họp ... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên ... tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ... ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay

hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên ... tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16.(16).....

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19.....(17).....

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình

thức:.....(18).....

..

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội ...(2)... mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ... số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội ...(2)... gồm ... Chương, ... Điều đã được Đại hội ...(19)...

Hội...(2)... thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của ...

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội...(2)... có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

Ghi chú:

(*) Mẫu này hướng dẫn nội dung chính của điều lệ hội; nếu sửa đổi, bổ sung thì ghi: Điều lệ (sửa đổi, bổ sung). Căn cứ quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan; căn cứ tính chất, phạm vi, lĩnh vực hoạt động, tổ chức.. của hội, hội có thể bổ sung quy định cho phù hợp;

- (1) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt điều lệ;
- (2) Tên hội;
- (3) Ghi rõ hội là tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính trị - xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội...;
- (4) Ghi rõ đối tượng tập hợp của hội;
- (5) Ghi rõ phạm vi hoạt động của hội: Cả nước hoặc liên tỉnh hoặc trong tỉnh ..., trong huyện ..., trong xã...;
- (6) Ghi rõ lĩnh vực hoạt động chính của hội;
- (7) Cơ quan nhà nước quản lý lĩnh vực hoạt động chính của hội;
- (8) Cơ quan nhà nước có liên quan;
- (9) Quy định cụ thể hội viên tổ chức (nếu có);
- (10) (11) Quy định cụ thể hội viên liên kết, hội viên danh dự (nếu có) phù hợp với quy định tại Điều 17 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;
- (12) Quy định cụ thể tiêu chuẩn hội viên chính thức của hội;
- (13) Quy định cụ thể thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội đối với hội viên;
- (14) Quy định cụ thể nhiệm kỳ đại hội của hội nhưng không quá 05 (năm) năm;
- (15) Quy định cụ thể số ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung: 1/3, 20%, 30%...;
- (16) Các tổ chức khác: Thường trực hội, ban thư ký... (nếu có);
- (17) Các chức danh khác: Tổng thư ký, thư ký... (nếu có);
- (18) Ghi rõ các hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ...;
- (19) Đại hội thành lập hoặc đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu lần thứ... hoặc đại hội bất thường.

Mẫu 10 - Đơn đề nghị tách hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Tách Hội ...(1)... thành Hội và Hội ...(2)...**

Kính gửi: ...(3)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... thông qua việc tách Hội ...(1)... thành Hội ...(1)... và Hội ...(2)... như sau:

1. Lý do tách hội

.....(4).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(5).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Hội ...(1)... đề nghị ...(3)... xem xét, quyết định cho phép tách Hội ...(1)... thành Hội ...(1)... và Hội ...(2)..../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. BAN THƯỜNG VỤ (6)
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội bị tách;
- (2) Tên hội được thành lập mới do tách hội;
- (3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tách hội;

- (4) Nêu rõ lý do, sự cần thiết phải tách hội và việc tách phù hợp quy định của pháp luật;
- (5) Theo Nghị định;
- (6) Tên gọi khác quy định về thẩm quyền ký văn bản theo điều lệ hội bị tách.

Mẫu 11 - Đơn đề nghị chia hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Chia Hội ...(1)... thành Hội(2)... và Hội ...(3)...

Kính gửi: ...(4)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... thông qua việc chia Hội thành Hội ...(2)... và Hội ...(3)... như sau:

1. Lý do chia hội

.....(5).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(6).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Hội ...(1)... đề nghị ...(4)... xem xét, quyết định cho phép chia Hội ...(1)... thành Hội ...(2)... và Hội ...(3)....

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. BAN THƯỜNG VỤ (7)
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội bị chia;
- (2) (3) Tên hội được thành lập mới do chia;
- (4) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chia hội;

- (5) Nêu rõ lý do, sự cần thiết phải chia hội và việc chia hội phù hợp quy định của pháp luật;
- (6) Theo Nghị định;
- (7) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 12 - Đơn đề nghị sáp nhập hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội ...(2)...

Kính gửi: ...(3)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... và Hội ...(2)... đã thông qua việc sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội ...(2)... như sau:

1. Lý do sáp nhập hội

.....(4).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(5).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Đề nghị ...(3)... xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Hội ...(1)... vào Hội ...(2)....

..., ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ

(6)

HỘI ...(1)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

TM. BAN THƯỜNG

VỤ (6)

HỘI ...(2)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội bị sáp nhập;

- (2) Tên hội được sáp nhập;
- (3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép sáp nhập hội;
- (4) Nêu rõ lý do, sự cần thiết sáp nhập hội và việc sáp nhập phù hợp quy định của pháp luật;
- (5) Theo Nghị định;
- (6) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 13 - Đơn đề nghị hợp nhất hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hợp nhất Hội ...(1)... và Hội ...(2)... thành Hội ...(3)...

Kính gửi: ...(4)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... và Hội ...(2)... đã thông qua việc hợp nhất Hội ...(1)... và Hội ...(2)... thành Hội ...(3)... như sau:

1. Lý do sáp nhập hội

.....(5).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(6).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Đề nghị ...(4)... xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Hội ...(1)... và Hội ...(2)... thành Hội ...(3)..../.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ

(7)

HỘI ...(1)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

TM. BAN THƯỜNG

VỤ (7)

HỘI ...(2)...

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) (2) Tên hội bị hợp nhất;

- (3) Tên hội thành lập mới do hợp nhất;
- (4) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hợp nhất hội;
- (5) Nêu rõ lý do, sự cần thiết hợp nhất hội và việc hợp nhất phù hợp quy định của pháp luật;
- (6) Theo Nghị định;
- (7) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 14 - Đơn đề nghị giải thể hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Giải thể Hội ...(1)...**

Kính gửi: ...(2)...

Theo quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Hội ...(1)... đã thông qua việc giải thể như sau:

1. Lý do giải thể hội

.....(3).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(4).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Hội ...(1)... đề nghị ...(2)... xem xét, quyết định giải thể Hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (5)**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, đóng dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên hội đề nghị giải thể;

(2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể hội;

(3) Nêu rõ lý do giải thể hội và việc giải thể phù hợp quy định của pháp luật;

(4) Theo Nghị định;

(5) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 15 - Đơn đề nghị đặt văn phòng đại diện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÉP**Đặt Văn phòng đại diện**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ...(1)...

Hội ...(2)... báo cáo Ủy ban nhân dân ...(1)... xem xét, cho phép Hội đặt Văn phòng đại diện của Hội tại ...(1)... như sau:

1. Sự cần thiết đặt Văn phòng đại diện

.....(3).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(4).....

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Hội ...(2)... đề nghị Ủy ban nhân dân(1)... xem xét, cho phép Hội đặt văn phòng đại diện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. BAN THƯỜNG VỤ (5)
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Tên hội đề nghị đặt văn phòng đại diện;
- (3) Nêu rõ sự cần thiết đặt văn phòng đại diện và địa chỉ dự kiến nơi đặt văn phòng đại diện;
- (4) Hồ sơ theo quy định tại Nghị định;
- (5) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Mẫu 16 - Báo cáo hoạt động hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...(2)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG**NĂM ...**

Thực hiện quy định của pháp luật, Hội ...(1)... báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội năm ... như sau:

1. Về tổ chức của Hội

a) Về hội viên:

- Tổng số hội viên:

Trong đó:

Hội viên tổ chức:

Hội viên cá nhân:

Số hội viên mới kết nạp trong năm:

Trong đó:

Hội viên tổ chức:

Hội viên cá nhân:

b) Những người làm việc chuyên trách tại Hội:

Trong đó: Số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao (nếu có):

c) Số lượng các tổ chức trực thuộc Hội (trong đó làm rõ số thành lập mới trong năm báo cáo)

- Tổ chức có tư cách pháp nhân:

- Phòng, ban, đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức cơ sở thuộc Hội:

- Văn phòng đại diện:

d) Việc kiện toàn tổ chức Hội (tổ chức Đại hội, hội nghị thường niên; họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo quy định của Điều lệ Hội, kiện toàn ban lãnh đạo, các chức danh chủ chốt...)

.....

đ) Khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội (nếu có)

.....

2. Kết quả hoạt động

a) Kết quả những hoạt động của Hội:

.....

b) Việc thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao:

.....

3. Tổng số kinh phí hoạt động trong năm:

Trong đó:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

b) Kinh phí do tổ chức nước ngoài tài trợ:

c) Hội tự huy động từ các nguồn khác:

4. Dự kiến phương hướng, nhiệm vụ năm...

.....

5. Đề xuất, kiến nghị

.....

Trên đây là nội dung báo cáo về tổ chức, hoạt động năm ..., Hội...(1)... báo cáo ...(3)..../.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

TM. BAN THƯỜNG VỤ (4)

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội;

(2) Tên viết tắt của hội;

(3) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội;

(4) Tên gọi khác theo quy định điều lệ hội.

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC MẪU TRÌNH BÀY VĂN BẢN ÁP DỤNG CHO CƠ
QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI

(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022
của Chính phủ)

- Mẫu 1 - Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội
- Mẫu 2 - Quyết định cho phép thành lập hội
- Mẫu 3 - Quyết định phê duyệt điều lệ hội
- Mẫu 4 - Quyết định cho phép đổi tên hội và phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hội
- Mẫu 5 - Quyết định cho phép tách hội
- Mẫu 6 - Quyết định cho phép chia hội
- Mẫu 7 - Quyết định cho phép sáp nhập hội
- Mẫu 8 - Quyết định cho phép hợp nhất hội
- Mẫu 9 - Quyết định cho phép hội đặt văn phòng đại diện
- Mẫu 10 - Quyết định giải thể hội
- Mẫu 11 - Báo cáo hoạt động hội

Mẫu 1 - Quyết định công nhận ban vận động thành lập Hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công nhận Ban Vận động thành lập Hội ...(2)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(3)...**

Căn cứ(4).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(5).....;

Xét đề nghị của Ban Sáng lập Hội ...(2)... và ...(6)....

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Công nhận Ban Vận động thành lập Hội ...(2)... gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.**Điều 2.** Ban Vận động thành lập Hội ...(2)... có nhiệm vụ vận động công dân, tổ chức đăng ký tham gia Hội và hoàn chỉnh hồ sơ xin phép thành lập Hội gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội theo quy định của pháp luật.

Ban Vận động thành lập Hội ...(2)... tự giải thể sau khi Đại hội thành lập Hội bầu ra ban lãnh đạo của Hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 4.** Trưởng Ban Vận động thành lập Hội ...(2)...., ...(6)...., Chánh Văn phòng ...(1)... và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;

- (2) Tên hội dự kiến thành lập;
- (3) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (4) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (5) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);
- (6) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định.

Mẫu 2 - Quyết định cho phép thành lập hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép thành lập Hội ...(2)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(3)...**

Căn cứ(4).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(5).....;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Vận động thành lập Hội ...(2)... và ...(6)...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép thành lập Hội ...(2)...**Điều 2.** Hội ...(2)... là tổ chức ...(7)..., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(3)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(8)... và các bộ (sở...), ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(2)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự bảo đảm kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 4.** Trưởng Ban Vận động thành lập Hội, Chủ tịch Hội ...(2)..., ...(6)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;

(2) Tên hội;

(3) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;

- (4) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (5) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);
- (6) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định;
- (7) Xác định rõ hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp ...;
- (8) Tên cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội.

Mẫu 3 - Quyết định phê duyệt điều lệ (*)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Điều lệ (*) Hội ...(2)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(3)...**

Căn cứ(4).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(5).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)... và ...(6)...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt Điều lệ (*) Hội ...(2)... đã được Đại hội ...(7)... của Hội thông qua ngày ... tháng... năm ...**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 3.** Chủ tịch Hội ...(2)..., ...(6)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(*) Nếu là điều lệ sửa đổi, bổ sung thì ghi: Điều lệ (sửa đổi, bổ sung);

(1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;

(2) Tên hội;

(3) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;

(4) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);

(5) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);

(6) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định;

(7) Đại hội thành lập hoặc Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu lần thứ..., Đại hội bất thường.

Mẫu 4 - Quyết định cho phép đổi tên và phê duyệt điều lệ của hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép đổi tên Hội ...(2)... thành Hội ...(3)... và phê duyệt
Điều lệ Hội ...(3)...

THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(4)...

Căn cứ(4).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(6).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)... và ...(7)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép đổi tên Hội ...(2)... thành Hội ...(3)... và phê duyệt Điều lệ Hội ...(3)...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội ...(3)...., ...(7)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;
- (2) Tên hội đề nghị đổi tên;
- (3) Tên hội sau khi đổi tên;
- (4) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (5) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (6) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);
- (7) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định.

Mẫu 5 - Quyết định cho phép tách hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép tách hội ...(2)... thành hội ...(2)... và hội ...(3)... và phê
 duyệt Điều lệ (sửa Đổi, bổ sung) hội ...(2)...**

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(4)...

Căn cứ(5).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính
 phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(6).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)... và ...(7)...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép tách Hội ...(2)... thành Hội ...(2)... và Hội ...(3)...**Điều 2.** Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội ...(2)... ban hành kèm theo Quyết định này.**Điều 3.** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Hội ...(2)... có trách nhiệm chuyển giao một phần tài sản, tài chính, tổ chức, nhân sự, quyền và nghĩa vụ cho Hội ...(3)...**Điều 4.** Hội ...(3)... là tổ chức ...(8)..., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(4)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(9)... và các bộ (sở..., ...), ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(3)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự bảo đảm kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 6.** Chủ tịch Hội ...(2)..., Trưởng Ban Lãnh đạo lâm thời, Chủ tịch Hội ...(3)..., ...(7)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
 -

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên**

- Lưu:

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;
- (2) Tên hội đề nghị tách;
- (3) Tên hội thành lập mới do tách;
- (4) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (5) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (6) Căn cứ khác có liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);
- (7) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định;
- (8) Xác định rõ hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội...;
- (9) Tên cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động chính.

Mẫu 6 - Quyết định cho phép chia hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép chia hội ...(2)... thành hội ...(3)... và hội ...(4)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(5)...**

Căn cứ(6).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(7).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)... và ...(8)...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép chia Hội ...(2)... thành Hội ...(3)... và Hội ...(4)...**Điều 2.** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Hội ...(2)... có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ tài sản, tài chính, tổ chức, nhân sự, các quyền và nghĩa vụ cho Hội ...(3)... và Hội ...(4)... đồng thời chấm dứt tồn tại, hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.**Điều 3.** Hội ...(3)... là tổ chức ...(9)..., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(5)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(10)... và các bộ (sở..., ...), ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(3)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự đảm bảo kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 4. Hội ...(4)... là tổ chức ...(9)..., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(5)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(10)... và các bộ (sở ..., ...), ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(4)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự đảm bảo kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chủ tịch Hội.. (2)..., Trưởng Ban Lãnh đạo lâm thời, Chủ tịch Hội...(3)..., Hội...(4)..., ...(8)... và Chánh Văn phòng...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;
- (2) Tên hội đề nghị chia;
- (3) (4) Tên hội thành lập mới do chia;
- (5) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (6) Căn cứ trực tiếp đề ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (7) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);
- (8) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định;
- (9) Xác định rõ hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội ...;
- (10) Tên cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội.

Mẫu 7 - Quyết định cho phép sáp nhập hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép sáp nhập hội ...(2)... vào hội ...(3)... và phê duyệt Điều
lệ (sửa Đổi, bổ sung) hội ...(3)...**

THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(4)...

Căn cứ(5).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính
phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(6).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)..., Chủ tịch Hội ...(3)... và ...(7)...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép sáp nhập Hội ...(2)... vào Hội ...(3)...**Điều 2.** Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội ...(3)... ban hành kèm theo Quyết định này.**Điều 3.** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Hội ...(2)... có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ tài sản, tài chính, tổ chức, nhân sự, các quyền và nghĩa vụ cho Hội ...(3)...; đồng thời chấm dứt tồn tại, hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 5.** Chủ tịch Hội ...(2)..., Chủ tịch Hội ...(3)..., ...(7)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định:

- (2) Tên hội bị sáp nhập;
- (3) Tên hội được sáp nhập;
- (4) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (5) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (6) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);
- (7) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định.

Mẫu 8 - Quyết định cho phép hợp nhất hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép hợp nhất hội ...(2)... và hội ...(3)... thành hội ...(4)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH ...(5)...**

Căn cứ(6).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(7).....;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)..., Chủ tịch Hội ...(3)... và ...(8)....

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép hợp nhất Hội ...(2)... và Hội ...(3)... thành Hội ...(4)...**Điều 2.** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Hội ...(2)... và Hội ...(3)... có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ tài sản, tài chính, tổ chức, nhân sự, các quyền và nghĩa vụ cho Hội ...(4)...; đồng thời chấm dứt tồn tại, hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.**Điều 3.** Hội ...(4)... là tổ chức ...(9)..., tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được ...(5)... phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của ...(10)... và các bộ (sở..., ...), ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội ...(4)... có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự đảm bảo kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 5.** Chủ tịch Hội ...(2)..., Chủ tịch Hội ...(3)..., Trưởng Ban Lãnh đạo lâm thời, Chủ tịch Hội ...(4)..., ...(8)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;
- (2) (3) Tên hội đề nghị hợp nhất;
- (4) Tên hội thành lập mới do hợp nhất;
- (5) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (6) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (7) Căn cứ khác liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);
- (8) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định;
- (9) Xác định rõ hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội ...;
- (10) Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội.

Mẫu 9 - Quyết định cho phép hội đặt văn phòng đại diện**ỦY BAN NHÂN DÂN**

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép hội ...(2)... Đặt văn phòng Đại diện****ỦY BAN NHÂN DÂN ...(1)...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội ...(2)... và Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép Hội ...(2)... đặt Văn phòng đại diện tại: ...(3)...**Điều 2.** Văn phòng đại diện Hội...(2)... tổ chức và hoạt động theo quy định của Hội ...(2)... và quy định pháp luật.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 4.** Chủ tịch Hội ...(2)..., Giám đốc Sở Nội vụ và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

-;

- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

(2) Tên hội đặt văn phòng đại diện;

(3) Địa chỉ đặt văn phòng đại diện.

Mẫu 10 - Quyết định giải thể hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giải thể hội...(2)...****THẨM QUYỀN BAN HÀNH...(3)...**

Căn cứ(4).....;

Căn cứ Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ(5).....;

Xét đề nghị của ...(6)... và ...(7)...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Giải thể Hội ...(2)...**Điều 2.** Hội ...(2)... có trách nhiệm nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chấm dứt tồn tại, hoạt động kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 4.** Chủ tịch Hội ...(2)..., ...(7)... và Chánh Văn phòng ...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan nhà nước ban hành quyết định;
- (2) Tên hội giải thể;
- (3) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (4) Căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức);
- (5) Căn cứ khác liên quan trực tiếp đến thẩm quyền ban hành quyết định (nếu có);

(6) Trường hợp hội tự giải thể thì ghi xét đề nghị của Chủ tịch Hội; trường hợp hội bị giải thể thì ghi xét kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận Hội vi phạm pháp luật;

(7) Thủ trưởng đơn vị đề nghị ban hành quyết định.

Mẫu 11 - Báo cáo hoạt động hội (*)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI**NĂM ... (2) ...**

Thực hiện quy định tại Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội ở địa phương năm ... (2) ... như sau:

I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**1. Về tổ chức**

a) Tổng số hội trên địa bàn:

Trong đó:

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh:

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện:

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã:

b) Số hội thành lập mới trong năm:

Trong đó:

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh:

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện:

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã:

c) Số hội giải thể trong năm:

Trong đó:

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh:

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện:

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã:

d) Tổng số hội có phạm vi hoạt động cả nước, liên tỉnh có văn phòng đại diện tại địa phương:

đ) Tổng số tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc hội:

Trong đó số thành lập mới trong năm:

e) Tổng số hội viên:

Trong đó số hội viên kết nạp mới trong năm:

2. Tổng số người làm việc chuyên trách tại hội:

Trong đó:

a) Số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao:

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh:

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện:

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã:

b) Số người làm việc tại hội do hội tự hợp đồng:

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh:

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện:

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã:

2. Về hoạt động

(Đánh giá các hoạt động nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của hội được quy định Nghị định).

3. Về kinh phí

a) Tổng số thu kinh phí trong năm:

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ gắn với nhiệm vụ được giao:

- Kinh phí tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài:

- Thu từ các nguồn khác:

b) Tổng số chi kinh phí trong năm:

Trong đó:

- Chi cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ của hội:

- Chi hoạt động quản lý hội:

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘI

(Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị; báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Nghị định).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG; ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Những kết quả đạt được

.....

2. Những tồn tại, hạn chế

.....

3. Đề xuất, kiến nghị

.....

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(*) Áp dụng cho UBND các cấp, Sở Nội vụ và phòng Nội vụ, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cấp để xác định nội dung báo cáo cho phù hợp;

- (1) Tên cơ quan báo cáo;
- (2) Năm báo cáo.